

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HS-ST

Ngày: 12 - 6 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Chính

Ông Lê Đức Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng Đ, sinh ngày 02/01/1984 tại Hải Dương; số CCCD: 030084019107; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng H và bà Hoàng Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Ninh Thị P - Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Tầng B tòa nhà M, số B đường N, phường T, thành phố H; có mặt.

- Bị hại: Công ty cổ phần S2; địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân T - Giám đốc; có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện V, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Đắc Đ1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị vắng mặt.

4. Anh Trương Bá T2, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố H, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị vắng mặt.

5. Công ty TNHH Y; địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, tòa nhà Z, Số A, đường K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Choi In S; có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1991

2. Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1987

3. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1992

4. Anh Hoàng Duy S1, sinh năm 1983

5. Anh Hà Văn V, sinh năm 1985

6. Anh Đỗ Văn T3, sinh năm 1984

7. Anh Hà Quang L1, sinh năm 1991

8. Anh Vũ Văn H4, sinh năm 1993

9. Ông Trịnh Viết T4, sinh năm 1955

10. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1985

11. Anh Nguyễn Trọng Đ2, sinh năm 1981

12. Anh Đinh Bá T6, sinh năm 1983

13. Anh Nguyễn Xuân Đ3, sinh năm 1991

14. Anh Trịnh Viết T7, sinh năm 1992

15. Ông Hoàng Văn H5, sinh năm 1963

16. Bà Đặng Thị H6, sinh năm 1975

17. Bà Trần Thị T8, sinh năm 1955

18. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1973

19. Anh Nguyễn Đức T9, sinh năm 1995

20. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1986

21. Ông Nguyễn Hữu Đ4, sinh năm 1978

22. Anh Hoàng Phi H7, sinh năm 1982

23. Chị Sái Thị X, sinh năm 1990

24. Anh Trần Văn H8, sinh năm 1992

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2022 Công ty TNHH Y, địa chỉ trụ sở chính: Tầng A tòa nhà Z, số A đường K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội có cơ sở sản xuất tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (Công ty Y) ký hợp đồng lao động với Nguyễn Trọng Đ làm nhân viên quản lý sản xuất của công ty. Đồng có nhiệm vụ quản lý, đơn đốc các hoạt động sản xuất của công ty theo sự chỉ đạo của ông Choi I - Giám đốc. Do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Đồng tìm hiểu trên mạng xã hội biết Công ty cổ phần S2 (Công ty S2), địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương chuyên sản xuất, buôn bán gỗ ván ép bán. Đồng liên hệ trao đổi với anh Hoàng Xuân T là Giám đốc Công ty S2 về việc Công ty Y cần mua gỗ ván ép để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và Đ được ông C1 InSeong ủy quyền giao dịch ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Tin lời Đồng nên ngày 20/7/2023, anh T soạn, ký hợp đồng mua bán hàng hóa, đóng dấu vào mục “Đại diện bên bán” giao cho Đ hai bản. Đồng cầm hợp đồng mua bán về công ty, ký mạo chữ ký của ông Choi I - Giám đốc Công ty vào mục “Đại diện bên mua” rồi lấy trộm dấu Công ty, dấu chức danh Giám đốc (ông C1 InSeong để dấu trong ngăn kéo bàn làm việc, không khóa) đóng vào chữ ký do Đ ký, sau đó giao lại cho anh T một bản. Sau khi ký hợp đồng, Đ thuê phương tiện đến Công ty S2 nhận gỗ ván ép bán cho các cơ sở tư nhân khác với giá rẻ hơn các mặt hàng cùng loại trên thị trường.

Bằng thủ đoạn trên, từ ngày 20/7/2023 đến ngày 01/9/2023, Đ đã mua 35 lần, tổng số 595,56 m³ gỗ ép của Công ty S2 với tổng giá trị theo thỏa thuận 2.672.410.944 đồng, bán cho nhiều người được 2.477.195.000 đồng. Đ đã 05 lần trả với tổng số tiền 173.600.000 đồng cho anh T. Số tiền còn lại 2.303.595.000 đồng sử dụng trả nợ chị Phạm Thị H1 1.000.000 đồng, chị Vũ Thị T1 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Đắc Đ1 54.500.000 đồng, anh Trương Bá T2 10.000.000 đồng, tổng số tiền 70.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân nên nói với anh T do kinh tế khó khăn Công ty S2 đề nghị chậm thanh toán. Đầu tháng 12/2023, anh T đến Công ty Y đề nghị thanh toán tiền công nợ thì được biết Công ty Y không giao dịch mua bán gì với Công ty S2. Đến ngày 23/12/2023, Đ trả cho anh T 893.600.000 đồng, còn 1.778.810.944 đồng, Đ sử dụng cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2642/KL-HĐĐG ngày 05/7/2024, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Hải Dương kết luận: Tổng giá trị của các loại gỗ ván ép tại các thời điểm theo yêu cầu định giá là 2.666.820.480 đồng.

Tại Kết luận giám định số 62 ngày 08/4/2024, Phòng K - Công an tỉnh H

kết luận: Chữ ký đứng tên Giám đốc Choi InSeong tại mục "ĐẠI DIỆN BÊN MUA" trên Hợp đồng mua bán giữa Công ty Cổ phần S2 và Công ty TNHH Y ngày 20/7/2023 là chữ ký của Nguyễn Trọng Đ, không phải là chữ ký của ông Choi I; Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH Y" và dấu chức danh "GIÁM ĐỐC CHOI INSEONG" trên Hợp đồng mua bán giữa Công ty S2 và Công ty TNHH Y ngày 20/7/2023 là dấu của Công ty TNHH Y và của ông Choi I; chữ ký dạng chữ viết đứng tên Nguyễn Trọng Đ tại mục "Khách hàng" trên Biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trọng Đ.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 31/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 13 năm đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam. Về trách nhiệm dân sự: Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị H1, bà Vũ Thị T1, anh Nguyễn Đắc Đ1 và anh Trương Bá T2 phải hoàn trả Công ty S2 số tiền đã nhận của bị cáo Đ; buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại cho Công ty S2. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài

liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 20/7/2023 đến ngày 01/9/2023, tại Công ty S2 địa chỉ tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Trọng Đ đưa ra thông tin gian dối với anh Hoàng Xuân T - Giám đốc Công ty S2 về việc Công ty Y cần mua ván gỗ ép để phục vụ hoạt động kinh doanh, giả mạo chữ ký của ông Choi I - Giám đốc Công ty Y trong Hợp đồng mua bán giữa hai công ty làm anh Hoàng Xuân T tin tưởng giao cho Đ 595,56 m³ gỗ ván ép trị giá 2.666.820.480 đồng, Đ chiếm đoạt để bán được khoảng 2.477.195.000 đồng, sử dụng cá nhân và trả nợ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nhiều lần, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; đã bồi thường cho bị hại số tiền 893.600.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Do hiện tại bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt của bị hại tổng giá trị tài sản là 2.666.820.480 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 893.600.000 đồng. Tài liệu sao kê tài khoản và lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định bị cáo đã sử dụng tiền bán tài sản chiếm đoạt của bị hại trả nợ vay trước đó cho các cá nhân sau: Chị Phạm Thị H1 1.000.000 đồng, chị Vũ Thị T1 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Đắc Đ1 54.500.000 đồng, anh Trương Bá T2 10.000.000 đồng, tổng 70.500.000 đồng. Theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Dân sự, trường hợp này bị hại có quyền đòi lại số tiền trên từ những người mà bị cáo trả nợ. Căn cứ Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được bị cáo trả nợ bằng tiền có được do bị cáo chiếm đoạt của bị hại phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị hại số tiền đã nhận của bị cáo. Quan hệ vay nợ giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do các bên tự thỏa thuận giải quyết, nên có tranh

chấp thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 1.702.720.480 đồng theo Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí:

Bị cáo bị kết tội và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đồng phạm T10 "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/7/2024.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả Công ty cổ phần S2 toàn bộ số tiền đã nhận của bị cáo Nguyễn Trọng Đ, cụ thể: Chị Phạm Thị H1 1.000.000 đồng, chị Vũ Thị T1 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Đắc Đ1 54.500.000 đồng, anh Trương Bá T2 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ bồi thường cho Công ty cổ phần S2 số tiền 1.702.720.480 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 63.081.614 đồng (sáu mươi ba triệu không trăm tám mươi một nghìn sáu trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu